

(Mẫu kèm theo quyết định số... ĐHSPTDTT ngày....tháng...../2020)

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức thông thường)
(Tên học phần)

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Huỳnh Cát Dung

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị và nghiệp vụ sư phạm, Đại học Thể Dục Thể Thao TPHCM, 639 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TPHCM

Điện thoại, email: 0909132011 - dungch@upes.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học giáo dục; Tâm lý học hành vi.

Giảng viên 2: Phạm Minh Quyền

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị và nghiệp vụ sư phạm, Đại học Thể Dục Thể Thao TPHCM, 639 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TPHCM

Điện thoại, email: 0903736756 – quyenmp@upes.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng tâm lý vào giáo dục và hoạt động TDTT

Giảng viên 3: Trương Thanh Chí

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị và nghiệp vụ sư phạm, Đại học Thể Dục Thể Thao TPHCM, 639 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TPHCM

Điện thoại, email: 0918559866; chitt@upes.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đường

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (tiếng Anh): Psychology of Ages and Pedagogical Psychology	
- Mã số học phần: DHTLS0652	
- Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục thể chất	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần thay thế tốt nghiệp ☐ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: + Số tiết lý thuyết: 19 + Số tiết thực hành: 11	

+ Số tiết tự học: 60	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương + Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin	Mã số HP: DHTLD0632 Mã số HP: DHTHM0623
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sư Phạm Thể Dục Thể Thao TPHCM. Sinh viên đi học đầy đủ, tích cực tham gia thảo luận, thực hành.	
- Bộ môn phụ trách học phần: Nghiệp vụ sư phạm Khoa: Lý luận chính trị và nghiệp vụ sư phạm Điện thoại: 0909132011 Email: lyluanchinhtrivanghiệpvusupham@upes.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm thông qua các chương: nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, tâm lý học sinh trung học phổ thông, tâm lý học dạy học, tâm lý học giáo dục đạo đức và tâm lý học nhân cách người thầy.

3. Mục tiêu học phần

Người học hiểu rõ và vận dụng kiến thức tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm vào thực tiễn giảng dạy để có thể giải quyết hiệu quả các tình huống sư phạm, biết cách thực hiện vai trò của người giáo viên nâng cao hiệu quả giáo dục cũng như rèn luyện nhân cách cho bản thân để trở thành một công dân tốt.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																			
	PLO1.1			PLO1.2				PLO2.1				PLO2.2				PLO3.1		PLO3.2		
	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.2.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3
CLO1.1		K3																		
CLO1.2				K4																
CLO2.1								S4												
CLO2.2												S2								
CLO3.1																	A5			
CLO3.2																		C2		

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	Mức độ năng lực CDR	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------	---------------------	--------------------	---------------------	----------------------

(....)	học phần			
CLO1.1	K3	Trình bày quan điểm về sự phát triển tâm lý trẻ Trình bày quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo Trình bày yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý lứa tuổi HS THPT Trình bày đặc điểm học tập và sự phát triển trí tuệ của HS THPT Trình bày đặc điểm lao động sư phạm Trình bày mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ	Thuyết giảng Thảo luận nhóm	Bài kiểm tra
CLO1.2	K4	Ứng dụng các quy luật về sự phát triển tâm lý trẻ Phân tích bản chất của hoạt động dạy và hoạt động học Phân tích cấu trúc của hành vi đạo đức Phân tích cấu trúc nhân cách người thầy	Thảo luận nhóm Phân tích tình huống	Sản phẩm nhóm
CLO2.1	S4	Xử lý hiệu quả các tình huống sư phạm	Phân tích tình huống	Sản phẩm nhóm
CLO2.2	S2	Biết cách thiết kế hoạt động dạy học hiệu quả Biết cách tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp	Thuyết giảng Thảo luận nhóm	Bài kiểm tra
CLO3.1	A5	Đồng cảm với học sinh Mẫu mực trong lối sống Đề cao tự giáo dục	Thuyết giảng Phân tích tình huống	Bài kiểm tra
CLO3.2	C2	Biết cách phối hợp làm việc nhóm hiệu quả Vạch kế hoạch nâng cao năng lực nghề hiệu quả Biết hệ thống hóa kiến thức	Thảo luận nhóm	Sản phẩm nhóm Đánh giá chéo giữa các thành viên

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	CĐR học phần	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)
--------------	--------------	---------------------------------	------------------	-----------

A1. Đánh giá quá trình				40%
A1.1		Chuyên cần	Rubric 1	20%
A1.2		Kiểm tra	Rubrics 2	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				60%
A2.1		Đánh giá thông qua bài thi	Rubrics 3	60%
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1.1 \times 0.2) + (A1.2 \times 0.2) + (A2.1 \times 0.6)$ (Điểm A1.1, A1.2, A2.1 và điểm tổng kết làm tròn đến 01 chữ số thập phân)				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần

Bảng 1. Rubric 1 đánh giá chuyên cần (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5 điểm			
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	- Vắng không phép (vắng 1 tiết trừ 1,0 điểm - đối với học phần từ 3 tín chỉ trở xuống; vắng 1 tiết trừ 0,50 điểm - đối với học phần trên 3 tín chỉ). - Vắng có phép (vắng 1 tiết trừ 0,50 điểm - đối với học phần từ 3 tín chỉ trở xuống; vắng 1 tiết trừ 0,25 điểm - đối với học phần trên 3 tín chỉ). - Không trừ điểm đối với các trường hợp vắng do nhà trường cử đi công tác, bị ốm đang nằm điều trị theo chỉ dẫn của Bác sĩ, hoặc những trường hợp kiến tập của nữ SV khi đang hành kinh). - Kiến tập trừ 0,25 điểm/tiết - Đến lớp trễ quá 15 phút xem như vắng không phép.			
Mức độ tham gia các hoạt động học tập (5 điểm)	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0 – 0,0
	- Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học. - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: 10/10 (Bằng chữ: Mười)				

5.2.2. Tiêu chí đánh giá quá trình

Bảng 2. Rubric 2 đánh giá kiểm tra (Dành cho GV đánh giá) A1.2

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Hình thức của bài kiểm tra (2 điểm)	- Cấu trúc bài kiểm tra, ảnh và bảng đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp và phù hợp	- Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp	- Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp	- Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bài kiểm tra (8 điểm)	- Trình bày đúng tất cả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét - Ngôn ngữ khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Trình bày đúng từ ½ trở lên các nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Trình bày đúng ít hơn ½ các kết quả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt chưa rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề,	- Trình bày sai kết quả nhiều nội dung của nội dung của bài kiểm tra - Chưa biết cách sử dụng ngôn ngữ khoa học và diễn đạt vấn đề
TỔNG ĐIỂM: 10/10 (bằng chữ: Mười)				

Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá) A.1.2b

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 – 0
1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Dường như từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	- Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Đường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Đường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Tôn trọng ý kiến tập thể (2 điểm)	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí	Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ	Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do

	do chính đáng.	do chính đáng.	những lí do chính đáng.	không chính đáng.
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung (2 điểm)	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.
TỔNG ĐIỂM: 10/10 (Bằng chữ: Mười)				

Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A1.2c

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm (2 điểm)	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.
	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 – 0
2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)	- Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực.	- Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực.	- Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực.	- Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 – 0
3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)	- Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn.	- Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn.	- Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.	- Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn.

	- Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm.	- Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm.	- Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm.	- Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
TỔNG ĐIỂM: 10/10 (bằng chữ: Mười)				

Bảng 5. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (bảng 3)	Điểm nhóm do GV chấm (bảng 4)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

5.2.3. Tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 3. Rubric 3 đánh giá bài thi học phần (Bài đánh giá A2.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Hình thức của bài kiểm tra (2 điểm)	- Cấu trúc bài kiểm tra, ảnh và bảng đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp và phù hợp	- Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp	- Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp	- Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bài kiểm tra (8 điểm)	- Trình bày đúng tất cả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét - Ngôn ngữ khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Trình bày đúng từ ½ trở lên các nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Trình bày đúng ít hơn ½ các kết quả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt chưa rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề,	- Trình bày sai kết quả nhiều nội dung của nội dung của bài kiểm tra - Chưa biết cách sử dụng ngôn ngữ khoa học và diễn đạt vấn đề
TỔNG ĐIỂM: 10/10 (bằng chữ: Mười)				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

Phạm Minh Quyền (chủ biên) (2015), *TLH lứa tuổi & TLH sư phạm*, NXB ĐHQG

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Thị Châu (2005), *Tình huống TLH lứa tuổi & TLH sư phạm*, NXBGD.
2. Hồ Ngọc Đại (2000), *TLH dạy học*. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Văn Hồng (chủ biên) (1999), *TLH lứa tuổi & TLH sư phạm*, NXB ĐHQGHN.
4. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*, NXB ĐHQGHN

7. Kế hoạch dạy học

Tổng thời lượng của học phần 30 tiết học trên lớp (trong đó có 19 tiết lí thuyết và 11 tiết thực hành) và 60 tiết tự học, số tiết cụ thể như sau:

Số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Kết quả cần đạt được	CDR học phần	Bài đánh giá
12 (4 tiết trên lớp + 8 tiết tự học)	Chương 1. Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm					
3 (1 tiết trên lớp + 2 tiết tự học)	1. Khái quát về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm 1.1. Đối tượng của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm 1.2. Nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm 2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ 2.1. Khái niệm trẻ em 2.2. Một số quan niệm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.3. Quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lý trẻ em	Tự học Lớp bài	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp	K3 S2	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2
9 (3 tiết trên lớp + 6 tiết tự học)	3. Các quy luật về sự phát triển tâm lý trẻ em 3.1. Tính không đồng đều của sự phát triển tâm lý 3.2. Tính toàn vẹn của tâm lý 3.3. Tính mềm dẻo và khả năng bù trừ 4. Phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý 4.1. Khái niệm về lứa tuổi 4.2. Các tiêu chuẩn phân chia các giai đoạn lứa tuổi 4.3. Các giai đoạn phát triển tâm lý	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	K4 S2 A5 C2	CLO1.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2

24 tiết trên lớp + 16 tiết tự học)	(8	Chương 2: Tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông					
6 tiết trên lớp, 4 tiết tự học)	(2	1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông 1.1. Đặc điểm thể chất 1.2. Đặc điểm điều kiện sống và hoạt động 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của học sinh trung học phổ thông 2.1. Đặc điểm của hoạt động học tập 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ	Lớp bài Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp	K3	CLO1.1	A1.2
18 tiết trên lớp + 12 tiết tự học)	(6	3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu của học sinh trung học phổ thông 3.1. Sự phát triển của tự ý thức 3.2. Sự hình thành nhân sinh quan và thế giới quan 3.3. Xu hướng chọn nghề 3.4. Giao tiếp và đời sống tình cảm	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	S4 A5 C2	CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A2.1
12 tiết trên lớp + 8 tiết tự học)	(4	Chương 3. Tâm lý học dạy học					
6 tiết trên lớp + 4 tiết tự học)	(2	1. Bản chất của hoạt động dạy và hoạt động học 1.1. Hoạt động dạy 1.2. Hoạt động học	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	K4 S2 C2	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A2.1
6 tiết trên lớp + 4 tiết tự học)	(2	2. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo 2.1. Sự hình thành kỹ năng 2.2. Sự hình thành kỹ xảo 3. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 3.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ 3.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ 3.3. Mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ	Lớp bài Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp	K3	CLO1.1	A1.1 A1.2

12 tiết trên lớp + 8 tiết tự học)	(4	Chương 4. Tâm lý học giáo dục đạo đức					
6 tiết trên lớp + 4 tiết tự học)	(2	1. Đạo đức và hành vi đạo đức 1.1. Khái niệm đạo đức 1.2. Khái niệm hành vi đạo đức 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức 2.2. Động cơ, nhu cầu và tình cảm đạo đức 2.3. Ý chí và thói quen đạo đức 2.4. Mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý trong cấu trúc của hành vi đạo đức	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	K4 S2 C2	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
6 tiết trên lớp + 4 tiết tự học)	(2	3. Các con đường để giáo dục đạo đức cho học sinh cơ sở 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường 3.2. Giáo dục đạo đức trong gia đình 3.3. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học 3.4. Tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi học sinh	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	S2 C2 A5	CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
24 tiết trên lớp + 16 tiết tự học)	(8	Chương 5: Tâm lý học nhân cách người thầy					
6 tiết trên lớp + 4 tiết tự học)	(2	1. Đặc điểm lao động của người thầy 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người (đối tượng lao động sự phạm) 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình. 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật, tính sáng tạo cao 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	K3 C2	CLO1.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1

18 tiết trên lớp + 12 tiết tự học)	2. Cấu trúc nhân cách người thầy 2.1. Các phẩm chất nhân cách của người thầy 2.2. Năng lực sư phạm của người thầy 3. Sự hình thành uy tín của người thầy	Lớp bài Thảo luận nhóm Tự học	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp Tích cực tham gia hoạt động nhóm	K4 S4 A5 C2	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
2	Ôn tập	Lớp bài	Hệ thống hóa nội dung học phần	C2	CLO3.2	

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN